

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV

Số: 1335 /VIMICO – TCKT
V/v: giải trình các bút toán điều chỉnh
sau kiểm toán BCTC năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 06 năm 2023

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tổ chức đại chúng: Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP
Mã chứng khoán: KSV

Thực hiện yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại công văn số 1052/SGDHN-QLNY ngày 25/5/2023, Tổng công ty khoáng sản TKV-CTCP đã phối hợp cùng với đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM đối chiếu các bút toán kế toán dẫn đến chênh lệch trước và sau kiểm đối với BCTC riêng (Công ty mẹ) và BCTC hợp nhất năm 2022, thống nhất báo cáo các bút toán cụ thể theo bảng kê bảng chi tiết kèm theo.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website VIMICO;
- QTK (phối hợp);
- Lưu VT, TCKT.



CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH DẪN ĐẾN CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022 TRƯỚC VÀ SAU KIỂM TOÁN (HỢP NHẤT)

(Kèm theo Công văn số 1335/VIMICO-TCKT ngày 13 tháng 6 năm 2023)

TT	Các bút toán làm thay đổi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2022 BCTC hợp nhất					Ý kiến xác nhận của đơn vị kiểm toán đối với từng bút toán điều chỉnh của Công ty			Ghi chú	
	Tại BCTC quý 4/2022 (BCTC năm 2022 trước kiểm toán)		Tại BCTC năm 2022 đã được kiểm toán		% thay đổi	Lý do điều chỉnh	Đồng ý	Không đồng ý		Ý kiến khác
	Mã chỉ tiêu	Giá trị	Mã chỉ tiêu	Giá trị						
1	01.Doanh thu bán hàng	12.251.080.481.534	01.Doanh thu bán hàng	12.250.906.544.435	0,00%	Bù trừ doanh thu giá vốn nội bộ 82.902.030 đ; Tăng doanh thu dịch vụ tại Công ty Mẹ: 88.251.049 đ, giảm doanh thu tại các cty con: 179.286.118 đ	✓			
	11. Giá vốn hàng bán	11.203.654.912.155	11. Giá vốn hàng bán	11.127.368.834.906	-0,68%	Bù trừ doanh thu giá vốn nội bộ 82.902.030 đ; giảm giá thành sản xuất Công ty mẹ như đã giải trình tại thay đổi của Cty mẹ; tính toán lại một số chi phí liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh tại Công ty con: 13.490.498.728 đ; tăng giá vốn :2.271.870.957 đ do tăng chi phí bốc xúc tại Công ty con.	✓			
	21. Doanh thu tài chính	8.372.014.390	21. Doanh thu tài chính	6.819.368.732	-18,55%	Điều chỉnh giảm doanh thu tài chính do đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ: 26.40.428 đ; bù trừ doanh thu-chi phí tài chính nội bộ khoản lãi chiết khấu tiền hàng : 1.668.171.712 đ; điều chỉnh giảm doanh thu tài chính tại Công ty con: 141.914.766 đ	✓			
	22. Chi phí tài chính	329.026.388.434	22. Chi phí tài chính	359.016.625.343	9,11%	Tăng/Giảm tại Công ty mẹ như đã giải trình Báo cáo Công ty mẹ; điều chỉnh giảm chi phí tài chính tại Công ty con: 141.914.766 đ	✓			
	25. Chi phí bán hàng	81.413.539.522	25. Chi phí bán hàng	86.014.494.141	5,65%	Bổ sung chi phí vận chuyển: 4.600.954.619 đ do ghi nhận thiếu chi phí ở Công ty Mẹ	✓			
	26. Chi phí quản lý DN	447.527.608.684	25. Chi phí quản lý DN	398.793.180.919	-10,89%	Tăng/giảm tại Công ty Mẹ như đã giải trình Báo cáo Công ty Mẹ; giảm do điều chỉnh nguồn chi phí tham quan nghỉ mát của CBCNV từ chi phí sang quỹ phúc lợi:3.957.849.000đ tại Công ty con, phân bổ chi phí sửa chữa và tiền thuê xe: 823.745.082 đ tại Công ty con; giảm : 4.305.074.058 đ do giảm tiền cấp quyền khai thác theo đối chiếu với Cơ quan thuế và tăng trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty con; giảm do được miễn giảm tiền thuê đất: 489.966.797 đ tại Công ty con	✓			
	50. Tổng lợi nhuận	158.475.654.821	50. Tổng lợi nhuận	247.172.547.464	56%	Thay đổi do thay đổi các yếu tố trên	✓			
	51. Chi phí thuế TNDN hiện hành	98.014.811.887	51. Chi phí thuế TNDN hiện hành	44.749.978.587	-51,89%	Tính lại thuế TNDN theo thu nhập tính thuế phát sinh của năm 2022	✓			
	60. Lợi nhuận sau thuế TNDN	65.101.353.999	60. Lợi nhuận sau thuế TNDN	202.063.079.942	210,38%	Do thay đổi lợi nhuận trước thuế và chi phí thuế TNDN	✓			



XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN
(Người đại diện theo pháp luật của đơn vị kiểm toán)

CH HDTV
Nguyễn Phú Hà

CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH DẪN ĐẾN CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022 TRƯỚC VÀ SAU KIỂM TOÁN (CÔNG TY MẸ)

(Kèm theo Công văn số 1335/VIMICO-TCKT ngày 13 tháng 6 năm 2023)

TT	Các bút toán làm thay đổi chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2022 BCTC Công ty mẹ				% thay đổi	Lý do điều chỉnh	Ý kiến xác nhận của đơn vị kiểm toán đối với từng bút toán điều chỉnh của Công ty			Ghi chú
	Tại BCTC quý 4/2022 (BCTC năm 2022 trước kiểm toán)		Tại BCTC năm 2022 đã được kiểm toán				Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác	
	Mã chỉ tiêu	Giá trị	Mã chỉ tiêu	Giá trị						
1	01.Doanh thu bán hàng	12.031.507.225.905	01.Doanh thu bán hàng	11.736.667.977.146	-2,45%	Bù trừ doanh thu giá vốn nội bộ: 294.927.499.808 đ; điều chỉnh tăng doanh thu dịch vụ: 88.251.049 đ	✓			
	11. Giá vốn hàng bán	11.450.826.573.033	11. Giá vốn hàng bán	11.102.969.558.600	-3,04%	Bù trừ doanh thu giá vốn nội bộ: 294.927.499.808 đ; điều chỉnh giảm giá thành sản xuất do giảm một số chi phí liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh: 53.474.332.486 đ; điều chỉnh Lợi nhuận chưa thực hiện khi tổng hợp Báo cáo làm tăng giá vốn: 544.817.861 đ	✓			
	21. Doanh thu tài chính	62.475.111.095	21. Doanh thu tài chính	62.445.875.760	-0,05%	Điều chỉnh giảm doanh thu, chi phí tài chính do đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ: 29.235.335 đ	✓			
	22. Chi phí tài chính	250.747.889.036	22. Chi phí tài chính	282.265.430.601	12,57%	Phân loại chi phí quản lý Doanh nghiệp sang chi phí tài chính: 32.172.632.313 đ; Bỏ sung lãi vay dự trả tính đến 31/12/2022: 150.253.516 đ; chênh lệch giảm tỷ giá khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ: 805.344.264 đ	✓			
	25. Chi phí bán hàng	74.166.004.237	25. Chi phí bán hàng	78.766.958.856	6,20%	Bỏ sung chi phí vận chuyển hạch toán thiếu: 4.600.954.619 đ	✓			
	26. Chi phí quản lý DN	309.748.697.359	25. Chi phí quản lý DN	270.586.437.274	-12,64%	Phân loại chi phí quản lý Doanh nghiệp sang chi phí tài chính: 32.172.632.313 đ; giảm quỹ lương theo phê duyệt của HĐQT: 7.412.143.800 đ; tăng các khoản chi phí khác: 422.516.028 đ	✓			
	50. Tổng lợi nhuận	1.524.946.361	50. Tổng lợi nhuận	57.557.227.206	3674%	Thay đổi do thay đổi các yếu tố trên	✓			
	51. Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.397.376.535	51. Chi phí thuế TNDN hiện hành	556.169.667	-99,01%	Tính lại thuế TNDN theo thu nhập tính thuế phát sinh của năm 2022	✓			
	60. Lợi nhuận sau thuế TNDN	54.872.430.174	60. Lợi nhuận sau thuế TNDN	57.001.057.539	203,88%	Do thay đổi lợi nhuận trước thuế và chi phí thuế TNDN	✓			



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN
(Người đại diện theo pháp luật của đơn vị kiểm toán)

